

TỔNG HỢP PHÂN BỐ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(KHU VỰC 2)

(Đính kèm quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ		Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHỀNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	Tiền thừa giờ năm học 2024 - 2025 theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT- BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013	CHI TNHH THEO NQ 27/2025/NQ- HĐND (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)
							Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A	B	C		D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12
		TỔNG CỘNG					-	-	6.278.636	6.278.636	3.752.123	2.490.396	1.261.727	2.526.513	121.273	121.273	2.070.114	335.126
		KHU VỰC 2							6.278.636	6.278.636	3.752.123	2.490.396	1.261.727	2.526.513	121.273	121.273	2.070.114	335.126
133	1	1129237	Trung tâm GDTX và BDNV Bình Du	422	070	075			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
134	2	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074			188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-		55.598	7.413
135	3	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074			466.830	466.830	403.819	358.351	45.468	63.011	-		55.598	7.413
136	4	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
137	5	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074			188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-		55.598	7.413
138	6	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074			211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-		62.548	8.340
139	7	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074			211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-		62.548	8.340
140	8	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074			141.137	141.137	93.878	59.777	34.101	47.259	-		41.699	5.560
141	9	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Du	422	070	074			211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-		62.548	8.340
142	10	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074			211.704	211.704	140.816	89.665	51.151	70.888	-		62.548	8.340
143	11	1085127	Trường THPT Trần Văn Ôn	422	070	074			188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-		55.598	7.413
144	12	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074			205.634	205.634	125.171	79.703	45.468	80.463	-		73.050	7.413
145	13	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
146	14	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074			117.613	117.613	78.231	49.814	28.417	39.382	-		34.749	4.633
147	15	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
148	16	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bìn	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
149	17	1084062	Trường THPT Dĩ An	422	070	074			188.182	188.182	125.171	79.703	45.468	63.011	-		55.598	7.413
150	18	1084063	Trường THPT Bình An	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
151	19	1130393	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Kha	422	070	074			346.528	346.528	125.171	79.703	45.468	221.357	-		213.944	7.413
152	20	1084073	Trường THPT Phước Vĩnh	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
153	21	1120440	Trường THPT Phước Hoà	422	070	074			70.567	70.567	46.938	29.888	17.050	23.629	-		20.849	2.780
154	22	1032948	Trường THCS và THPT Nguyễn Huệ	422	070	074			141.137	141.137	93.878	59.777	34.101	47.259	-		41.699	5.560
155	23	1065495	Trường THCS và THPT Tây Sơn	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
156	24	1122151	Trường THPT Long Hòa	422	070	074			222.567	222.567	46.938	29.888	17.050	175.629	-		172.849	2.780
157	25	1085119	Trường THPT Thanh Tuyền	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
158	26	1128990	Trường THCS và THPT Minh Hòa	422	070	074			222.659	222.659	109.524	69.740	39.784	113.135	-		106.649	6.486
159	27	1085120	Trường THPT Dầu Tiếng	422	070	074			173.137	173.137	93.878	59.777	34.101	79.259	-		73.699	5.560
160	28	1067145	Trường THPT Lê Lợi	422	070	074			191.840	191.840	46.938	29.888	17.050	144.902	121.273	121.273	20.849	2.780
161	29	1015604	Trường THPT Tân Bình - Bình Dương	422	070	074			223.506	223.506	62.585	39.851	22.734	160.921	-		27.799	133.122

STT		Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	PHÍ, LỆ PHÍ		DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 13)	CHI CHÊNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2.34TRĐ	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn NSTP - nguồn 12)	Tiền thừa giờ năm học 2024 - 2025 theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT- BGDDT-BNV-BTC ngày 08/3/2013	CHI TNHH THEO NQ 27/2025/NQ- HĐND (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	QUỸ TIỀN THƯỜNG (nguồn 18)
							Tổng thu phí, lệ phí	Nộp NSNN										
A		B	C	D	E	F	1	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10+11+12	9	10	11	12
162	30	1065497	Trường THPT Thường Tân	422	070	074			94.091	94.091	62.585	39.851	22.734	31.506	-		27.799	3.707
163	31	1084068	Trường THPT Bàu Bàng	422	070	074			164.659	164.659	109.524	69.740	39.784	55.135	-		48.649	6.486
164	32	1135937	Trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	422	070	092			70.567	70.567	46.938	29.888	17.050	23.629	-		20.849	2.780
165	33	1135938	Trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp	422	070	092			203.552	203.552	62.585	39.851	22.734	140.967	-		137.260	3.707
166	34	1115619	Trường Trung cấp Mỹ Thuật - Văn hóa	422	070	092			141.137	141.137	93.878	59.777	34.101	47.259	-		41.699	5.560

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH